

Số: 01 /2026/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 06 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin, quản lý, khai thác,
sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tỉnh Điện Biên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ
sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm
hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định
số 190/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chính
phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt
vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin
và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp;

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp cung
cấp thông tin, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành
chính tỉnh Điện Biên.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp cung cấp
thông tin, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính
tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 17 tháng 01 năm 2026
và thay thế Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin,
quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trên địa
bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo và phát thanh, truyền hình Điện Biên;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm TT - HN - NK;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Lương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
Phối hợp cung cấp thông tin, quản lý, khai thác, sử dụng
Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tỉnh Điện Biên
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 01 /2026/QĐ-UBND)



Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về phối hợp cung cấp thông tin, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tỉnh Điện Biên (sau đây gọi là Cơ sở dữ liệu).

2. Đối tượng áp dụng

- a) Cơ quan quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính;
- b) Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;
- c) Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;
- d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở dữ liệu là tập hợp các dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Điện Biên được xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng thông qua phương tiện điện tử nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật, xử lý vi phạm hành chính và đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật.

2. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu là thông tin về xử lý vi phạm hành chính quy định tại Điều 9 Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính (sau đây gọi là thông tin).

3. Cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu là cơ quan được giao chủ trì trong việc xây dựng, quản lý, hướng dẫn, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng và chia sẻ Cơ sở dữ liệu được thực hiện theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng, chia sẻ Cơ sở dữ liệu phải được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, bảo đảm tính chính xác, thống nhất, an toàn,

an ninh thông tin dữ liệu theo quy định của pháp luật; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, cơ quan, tổ chức thực hiện việc khai thác, sử dụng.

3. Việc quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng, chia sẻ Cơ sở dữ liệu phải phân định rõ trách nhiệm theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định.

4. Việc khai thác, sử dụng bảo đảm đúng mục đích; bảo đảm bí mật thông tin của tổ chức, cá nhân bị xử lý vi phạm hành chính.

5. Việc cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu thông qua phương tiện điện tử phải được thực hiện bằng tài khoản truy nhập do Sở Tư pháp cấp.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 4. Phối hợp cập nhật thông tin về xử lý vi phạm hành chính vào Cơ sở dữ liệu

1. Người được phân công hoặc bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin của các cơ quan quy định tại Điều 6 Thông tư số 13/2016/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính (sau đây gọi chung là Bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin) có trách nhiệm cập nhật, kiểm tra thông tin theo quy định Điều 8 Thông tư số 13/2016/TT-BTP.

2. Trong quá trình cập nhật, phát hiện có thông tin quy định tại khoản 1 Điều này của cá nhân, tổ chức nhưng chưa được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu, Bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin có trách nhiệm gửi thông tin về cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản về xử lý vi phạm hành chính để thực hiện cập nhật vào Cơ sở dữ liệu theo thẩm quyền.

3. Sau khi nhận được thông báo, Bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin thực hiện đối chiếu thông tin; thông tin chính xác thì thực hiện cập nhật ngay vào Cơ sở dữ liệu và gửi văn bản thông báo về cơ quan, tổ chức đã gửi thông tin để xác nhận việc hoàn thành. Trường hợp thông tin không chính xác thì gửi văn bản thông báo cho cơ quan, tổ chức đã gửi thông tin; trong đó, nêu rõ nội dung thông tin không chính xác.

4. Việc cập nhật nội dung thông tin mới vào Cơ sở dữ liệu được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 20/2016/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 13/2016/TT-BTP.

5. Thời hạn cung cấp thông tin thực hiện theo quy định Điều 7 Thông tư số 13/2016/TT-BTP.

Điều 5. Phối hợp cung cấp, đính chính, bổ sung, hiệu chỉnh thông tin xử lý vi phạm hành chính trong Cơ sở dữ liệu

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này yêu cầu cung cấp, đính chính, bổ sung, hiệu chỉnh thông tin vào Cơ sở dữ liệu khi

phát hiện thông tin thiếu nội dung hoặc có mâu thuẫn, không thống nhất thuộc các trường hợp sau:

- a) Trong quá trình cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp tài khoản thực hiện nhập mới các thông tin của cùng đối tượng bị xử lý vi phạm hành chính;
- b) Thông tin từ nguồn được trích xuất từ Cơ sở dữ liệu của các ngành, đơn vị liên kết, tích hợp;
- c) Khi tổ chức, cá nhân có yêu cầu cung cấp thông tin tại Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật;
- d) Trong quá trình khai thác, sử dụng, kiểm tra Cơ sở dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung phối hợp:

- a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này ngay sau khi phát hiện có sự sai sót, nhầm lẫn về dữ liệu hoặc còn thiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu so với hồ sơ, tài liệu đang được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ, gửi thông tin yêu cầu Bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin để thực hiện xác minh thông tin trong Cơ sở dữ liệu.
- b) Nhận được thông tin yêu cầu, đề nghị phối hợp xác minh, Bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin tiến hành kiểm tra, đối chiếu. Trường hợp thông tin cần đính chính, bổ sung, hiệu chỉnh thì cơ quan, người có thẩm quyền phối hợp với các cơ quan có liên quan quyết định việc đính chính, bổ sung thông tin vào Cơ sở dữ liệu đồng thời gửi văn bản nêu rõ kết quả xác minh tới cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu và gửi Sở Tư pháp để đối chiếu, kiểm tra thông tin có liên quan.

Điều 6. Phối hợp khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu

1. Các hình thức phối hợp khai thác, sử dụng bao gồm:

- a) Kết nối qua mạng máy tính và sử dụng tài khoản được cấp tra cứu thông tin trên Cơ sở dữ liệu tại địa chỉ <http://csdlxlvphc.dienbien.gov.vn/>;
- b) Khi có văn bản yêu cầu.

2. Các cơ quan, tổ chức phối hợp khai thác, sử dụng bao gồm:

- a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này;
- b) Cơ quan thực hiện chức năng giám sát công tác xử lý vi phạm hành chính có quyền yêu cầu và được cung cấp thông tin để phục vụ hoạt động giám sát theo quy định của pháp luật;
- c) Tổ chức bị xử phạt, cá nhân bị xử lý vi phạm hành chính có đơn đề nghị.

3. Nội dung phối hợp

- a) Trong việc cung cấp thông tin bằng văn bản: Cơ quan thực hiện chức năng giám sát công tác xử lý vi phạm hành chính; cơ quan, tổ chức bị xử phạt, cá nhân bị xử lý vi phạm hành chính gửi văn bản nêu rõ lý do, phạm vi, mục đích, nội dung

thông tin cần được cung cấp và hình thức cung cấp thông tin tới cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu để đề nghị cung cấp thông tin có liên quan trong Cơ sở dữ liệu;

b) Trong việc kết nối, tích hợp dữ liệu, truy nhập thông tin trong Cơ sở dữ liệu: Các cơ quan quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 1 Quy chế này nếu có yêu cầu kết nối, tích hợp thì gửi văn bản đề nghị tới cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu để thực hiện kết nối, tích hợp dữ liệu, truy nhập thông tin trong Cơ sở dữ liệu;

c) Khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu qua tra cứu thông tin trực tuyến: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu gửi văn bản đề nghị được truy nhập, tra cứu thông tin trực tuyến trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp tới cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu;

d) Trình tự, cách thức phối hợp thực hiện theo quy định tại Mục 2, Chương II Nghị định số 20/2016/NĐ-CP và Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Thông tư số 13/2016/TT-BTP.

Điều 7. Phối hợp kiểm tra Cơ sở dữ liệu

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc thực hiện cung cấp, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu.

2. Các cơ quan quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 1 Quy chế này có trách nhiệm cung cấp tài liệu có liên quan theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra.

Điều 8. Phối hợp trong công tác báo cáo tình hình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu

1. Định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, các cơ quan quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 1 Quy chế này thực hiện báo cáo tình hình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu trong báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương mình theo quy định.

2. Sở Tư pháp tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu trong báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gửi Bộ Tư pháp theo quy định.

3. Phương thức gửi, nhận báo cáo, thời gian lấy số liệu và thời hạn gửi báo cáo thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 19/2025/TT-BTP.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Là cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu; xử lý, cung cấp thông tin dữ liệu về

xử lý vi phạm hành chính trên Cơ sở dữ liệu cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật. Thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở.

2. Hướng dẫn, tập huấn, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân, địa phương thực hiện việc cung cấp, tiếp nhận, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu theo quy định.

3. Bảo đảm an toàn hệ thống Cơ sở dữ liệu, bảo mật tài khoản quản trị hệ thống; cập nhật các văn bản hướng dẫn và thực hiện kết nối liên thông vào Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính quốc gia.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị được cấp tài khoản

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm cập nhật các quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các sở, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường được cấp tài khoản có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, phân công cho Bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin cập nhật quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của mình và thực hiện các nội dung phối hợp quy định tại Chương II bảo đảm nguyên tắc quy định tại Điều 3 Quy chế này;

b) Quản lý tài khoản được cấp; bảo đảm kết nối, bảo mật tài khoản và an toàn thông tin;

c) Bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí, nhân lực cho việc phối hợp xây dựng, quản lý và duy trì Cơ sở dữ liệu.

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Quy chế này; theo dõi, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm quán triệt, thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.